

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 17/4/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:.....668.....
	Ngày 21/01/2016.....
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ trưởng Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/07/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3117/SNN&PTNT ngày 23/12/2015 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3299/STC-TCHCSN ngày 31/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

“Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, chi năm 2015 của Quỹ Bảo vệ Phát

triển rừng tỉnh Quảng Ngãi, với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Phần thu	: 8.196,0 triệu đồng.
- Thu trong năm	: 4.750,2 triệu đồng;
- Nguồn thu năm trước chuyển sang năm 2015:	3.445,8 triệu đồng;
b) Phần chi	: 1.535,8 triệu đồng.
- Chi hoạt động Bộ máy điều hành	: 465,0 triệu đồng;
- Chi trả DVMTR	: 1.011,4 triệu đồng;
- Dự phòng 5%	: 49,4 triệu đồng;
- Trích lập các quỹ	: 10,0 triệu đồng.

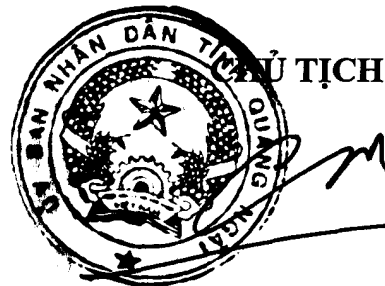
(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung khác tại Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Bảo vệ Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak45.



Trần Ngọc Căng

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THU, CHI NĂM 2015
CỦA QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG QUẢNG NGÃI
 (Kèm theo Quyết định số 106 /QĐ-UBND ngày 20/01/2016
 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Kế hoạch đã được phê duyệt	Kế hoạch điều chỉnh	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(4)-(3)
A	PHẦN THU	7.445,8	8.196,0	750,2
1	Thu năm 2015	4.000,0	4.750,2	750,2
	- Cty TNHH MTV Thủy điện Thiên Tân	1.000,0	1.372,8	372,8
	- Cty cổ phần HP	170,0	252,1	82,1
	- Cty Thủy điện Nước Trong	1.000,0	717,5	-282,5
	- Cty TNHH XD Thủy điện Cà Đú	120,0	182,5	62,5
	- Cty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi	260,0	277,0	17,0
	- Công ty Cổ phần Vinaconex	152,0	156,1	4,1
	- Công ty CP Đường Quảng Ngãi	73,0	75,3	2,3
	- Nhà máy nước khoáng Thạch Bích	2,0	2,2	0,2
	- Công ty Thủy điện Đakdrinh	1.091,0	1.521,2	430,2
	- Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	38,0	47,6	9,6
	- Công ty cổ phần Thủy điện Bình Định	94,0	67,0	-27,0
	Công ty Cổ Phần Thủy điện Huy Mãng		33,8	33,8
	- Lãi tiền gửi (Tạm tính đến ngày 31/12/2015)		45,1	45,1
2	Chuyển nguồn năm 2013 và năm 2014	3.445,8	3.445,8	0,0
2.1	Chi quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng			0,0
2.2	Nguồn thu ủy thác chi trả DVMTR	3.198,0	3.198,0	0,0
2.3	Nguồn dự phòng	188,0	188,0	0,0
2.4	Nguồn kinh phí để trích lập các quỹ	2,8	2,8	0,0
2.5	Nguồn cải cách tiền lương	57,0	57,0	0,0
B	PHẦN CHI	7.445,8	1.535,8	-5.910,0
I	Chi từ nguồn thu năm 2015	4.000,0	1.535,8	-2.464,2
1	Chi hoạt động Bộ máy điều hành	390,0	465,0	75,0
1.1	Hoạt động thường xuyên (bao gồm tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp, thưởng; chi về hàng hóa, dịch vụ; chi thu nhập tăng thêm; chi phụ cấp cho Hội đồng quản lý và BKS; chi thông tin tuyên truyền, quảng bá, đài báo; chi thanh tra, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá rừng; chi kiểm toán; chi bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện cải cách tiền lương 115,6 triệu đồng; chi khác)	344,0	430,3	86,3
1.2	Hoạt động không thường xuyên	46,0	34,7	-11,3
	Chi mua tài sản	46,0	34,7	-11,3
2	Dự phòng 5%	200,0	49,4	-150,6

ST T	Nội dung	Kế hoạch đã được phê duyệt	Kế hoạch điều chỉnh	Chênh lệch
2.1	Dự phòng 5%	200,0	49,4	-150,6
3	Trích lập các quỹ	10,0	10,0	0,0
3.1	Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp	2,0	2,0	0,0
3.2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	7,0	7,0	0,0
3.3	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	1,0	1,0	0,0
4	Chi trả DVMTR (85% nguồn chuyển nguồn số thu ủy thác DVMTR)	3.400,0	1.011,4	-2.388,6
4.1	Nguồn thu năm 2015 chi trả DVMTR	3.400,0	1.011,4	-2.388,6
II	Chi từ nguồn thu năm trước chuyển sang	3.445,8	0,0	-3.445,8
1	Chi hoạt động Bộ máy điều hành (Chi cải cách tiền lương)	57,0		-57,0
2	Dự phòng 5%	188,0	0,0	-188,0
2.2	Dự phòng 5% năm 2013 và năm 2014 chuyển sang	188,0		-188,0
3	Trích lập các quỹ	2,8	0,0	-2,8
3.1	Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp	1,2		-1,2
3.2	Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	0,8		-0,8
3.3	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	0,8		-0,8
4	Chi trả DVMTR năm 2013 và 2014 chuyển sang năm sau (85% nguồn chuyển nguồn số thu ủy thác DVMTR)	3.198,0	0,0	-3.198,0
4.2	Nguồn thu năm 2013 và năm 2014 chuyển sang thực hiện chi trả DVMTR	3.198,0		-3.198,0
III	Nguồn kinh phí chuyển sang năm 2016	0,0	6.660,2	6.660,2